

Số: /KH-UBND Hưng Yên, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030

Thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW; Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 (*Quyết định số 1679/QĐ-TTg*); Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Hưng Yên.

b) Tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành, đoàn thể và Nhân dân trong việc thực hiện công tác dân số và phát triển; tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển.

c) Nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về dân số; góp phần nâng cao chất lượng dân số, phát huy lợi thế cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai thực hiện Kế hoạch phải bảo đảm nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả, phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và tình hình thực tế của địa phương.

b) Xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các cấp trong quá trình tổ chức thực hiện; tăng cường phối hợp liên ngành, bảo đảm thống nhất, tránh chồng chéo.

c) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhằm tạo sự đồng thuận và tham gia tích cực của người dân trong thực hiện các mục tiêu dân số và phát triển.

d) Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phấn đấu đạt mức sinh thay thế; từng bước đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả thời kỳ cơ cấu dân số vàng; chủ động thích ứng với già hóa dân số; thúc đẩy phân bố dân số hợp lý, nâng cao chất lượng dân số cả về thể chất, trí tuệ và tinh thần, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Mục tiêu 1. Duy trì mức sinh hợp lý, tiến tới đạt và ổn định ở mức sinh thay thế

- Phấn đấu đưa tổng tỷ suất sinh đạt mức sinh thay thế, bình quân khoảng 2,1 con/phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ vào năm 2030;
- Quy mô dân số phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;
- Phấn đấu trên 95% trở lên phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tiếp cận với các biện pháp tránh thai hiện đại;
- Giảm 70% số trường hợp vị thành niên, thanh niên mang thai ngoài ý muốn.

b) Mục tiêu 2: Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh

- Giảm dần tỷ số giới tính khi sinh, phấn đấu đưa tỷ số giới tính khi sinh xuống mức 116,2 bé trai/100 bé gái vào năm 2030;
- Duy trì cơ cấu dân số hợp lý;
- Tỷ lệ dân số dưới 15 tuổi chiếm khoảng 17%; Tỷ lệ dân số từ 65 tuổi trở lên chiếm khoảng 16,5%; Tỷ lệ dân số phụ thuộc chung duy trì ở mức khoảng 50%.

c) Mục tiêu 3. Nâng cao chất lượng dân số

- 90% nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn;
- 90% phụ nữ mang thai được sàng lọc ít nhất 4 bệnh bẩm sinh phổ biến;
- 100% trẻ sơ sinh được sàng lọc ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến;
- Tuổi thọ bình quân đạt khoảng 76,8 tuổi; trong đó, thời gian sống khỏe mạnh tối thiểu 70 tuổi;
- Chỉ số phát triển con người (HDI) đến năm 2030 đạt 0,79;
- Chiều cao trung bình của thanh niên 18 tuổi đạt khoảng: nam 169,5 cm; nữ 158,5 cm.

d) Mục tiêu 4. Phân bố dân số hợp lý

- Tỷ lệ dân số đô thị đạt khoảng trên 50%;
- Phân bố dân cư hợp lý giữa thành thị và nông thôn, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch đô thị của tỉnh.
- Bảo đảm người di cư được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

đ) Mục tiêu 5. Phát triển và khai thác hiệu quả hệ thống dữ liệu dân số

- 100% người dân được cập nhật, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;
- Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu dân số với các ngành, các cấp trong địa bàn tỉnh;
- Dữ liệu dân số được khai thác hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

e) Mục tiêu 6. Thích ứng với già hóa dân số

- 70% người cao tuổi có nhu cầu được tham gia lao động phù hợp với sức khỏe và độ tuổi;
- 100% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế;
- Ít nhất 80% xã, phường có mô hình chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp

a) Quán triệt sâu sắc và triển khai hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số, trọng tâm là Nghị quyết số 21-NQ/TW, Luật Dân số số 113/2025/QH15, Nghị quyết số 137/NQ-CP, Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 và các chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Hưng Yên về công tác dân số.

b) Bảo đảm sự thống nhất trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị; tạo sự đồng thuận và ủng hộ rộng rãi của toàn xã hội, chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển, với các nội dung trọng tâm: duy trì vững chắc mức sinh thay thế; kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng; thích ứng với già hóa dân số; phân bổ dân số hợp lý; nâng cao chất lượng dân số.

c) Đưa công tác dân số trở thành một nội dung trọng tâm, thường xuyên trong chương trình lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; gắn các mục tiêu, chỉ tiêu về dân số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và giai đoạn của địa phương, cơ quan, đơn vị.

d) Thực hiện hiệu quả cơ chế phối hợp liên ngành, phát huy vai trò của các sở, ban, ngành, đoàn thể trong triển khai công tác dân số. Tăng cường vai trò giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong tuyên truyền, vận động thực hiện chính sách, pháp luật về dân số.

đ) Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, phong trào thi đua về công tác dân số của các địa phương, đơn vị. Lấy kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về dân số là một tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu, cấp ủy, chính quyền các cấp.

e) Đề cao vai trò, trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong thực hiện chính sách dân số; gắn việc thực hiện chính sách dân số với xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, bình đẳng,

hạnh phúc và văn minh.

2. Đổi mới truyền thông, vận động về dân số và phát triển

a) Cung cấp thông tin cho các cấp, các ngành

- Đẩy mạnh phổ biến, quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số và phát triển; trọng tâm là Nghị quyết số 21-NQ/TW, Luật Dân số số 113/2025/QH15, Nghị quyết số 137/NQ-CP của Chính phủ và các quy định về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh;

- Thường xuyên cập nhật và cung cấp thông tin về tình hình dân số, sức khỏe sinh sản, mất cân bằng giới tính khi sinh, già hóa dân số cho các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và những người có uy tín trong cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về dân số.

b) Truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng và nền tảng số

- Đẩy mạnh truyền thông về dân số và phát triển trên các phương tiện thông tin đại chúng, môi trường mạng, nền tảng số và mạng xã hội; nâng cao chất lượng, hiệu quả các chương trình, chuyên trang, chuyên mục, tin, bài tuyên truyền về công tác dân số và phát triển nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận xã hội trong thực hiện chính sách dân số;

- Tăng cường đổi mới nội dung, hình thức truyền thông theo hướng đa dạng, linh hoạt, phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn và đặc điểm văn hóa của địa phương; phát huy hiệu quả truyền thông số kết hợp với truyền thông trực tiếp tại cộng đồng;

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong truyền thông dân số; xây dựng, khai thác hiệu quả các sản phẩm truyền thông số, truyền thông đa phương tiện; tăng cường tương tác với người dân trên các nền tảng số nhằm nâng cao hiệu quả tiếp cận thông tin về dân số và phát triển;

- Phát huy vai trò của mạng lưới cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn, tổ dân phố, tuyên truyền viên của các sở, ngành, đoàn thể và chính quyền địa phương trong công tác tuyên truyền, vận động tại cộng đồng.

c) Nâng cao hiệu quả truyền thông trực tiếp

- Triển khai đa dạng các hoạt động truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng và địa bàn, tập trung vào các nội dung: Nâng cao chất lượng dân số; bình đẳng giới, mất cân bằng giới tính thai nhi; ngăn ngừa tình trạng lựa chọn giới tính thai nhi; chăm sóc sức khỏe sinh sản; chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em và người cao tuổi;

- Tăng cường truyền thông tại các trường học cho vị thành niên và thanh niên về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, dinh dưỡng, rèn luyện thể chất, phòng chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục với nhiều hình thức như: sinh hoạt ngoại khóa, hội thi tìm hiểu kiến thức, truyền thông trực tiếp, tư vấn nhóm nhỏ và các hoạt động truyền thông sáng tạo khác;

- Chú trọng đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục về dân số và phát

triển đối với lực lượng lao động trẻ, lao động nhập cư, công nhân làm việc tại các khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp; tập trung tuyên truyền các nội dung về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, kế hoạch hóa gia đình, khám sức khỏe trước khi kết hôn, sàng lọc trước sinh và sơ sinh, phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh và các bệnh lây truyền qua đường tình dục;

- Tiếp tục củng cố và phát huy hiệu quả mạng lưới cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn, tổ dân phố trong công tác truyền thông, vận động tại cộng đồng nhằm tạo chuyển biến tích cực, bền vững về nhận thức và hành vi của người dân trong thực hiện chính sách dân số và phát triển.

d) Mở rộng các dịch vụ tư vấn

- Mở rộng và nâng cao chất lượng các dịch vụ tư vấn về dân số và phát triển tại cơ sở y tế và cộng đồng; tăng cường tư vấn về sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, khám sức khỏe trước khi kết hôn, sàng lọc trước sinh và sơ sinh, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, thích ứng với già hóa dân số và nâng cao chất lượng dân số;

- Đa dạng hóa các hình thức tư vấn phù hợp với từng nhóm đối tượng thông qua tư vấn trực tiếp, tư vấn lưu động, tư vấn qua điện thoại, nền tảng số và mạng xã hội; tạo điều kiện thuận lợi để người dân được tiếp cận đầy đủ thông tin và sử dụng các dịch vụ dân số có chất lượng.

đ) Cung cấp sản phẩm truyền thông

- Biên soạn, cập nhật và cung cấp các sản phẩm truyền thông bảo đảm phản ánh đầy đủ chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân số và phát triển, đặc biệt là các quy định mới của Luật Dân số; phù hợp với đặc điểm văn hóa, phong tục, tập quán của địa phương;

- Đa dạng hóa các sản phẩm truyền thông như panô, áp phích, băng rôn, tờ rơi, tờ gấp, tài liệu truyền thông, video clip, infographic, sản phẩm truyền thông số và các tài liệu truyền thông trực quan khác nhằm phục vụ hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục về dân số và phát triển;

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong thiết kế, sản xuất, quản lý và phổ biến các sản phẩm truyền thông; nâng cao khả năng tiếp cận thông tin của người dân trên môi trường số.

3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số

a) Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế chính sách về dân số và phát triển phù hợp với quy định của Trung ương và tình hình thực tế của tỉnh.

b) Nghiên cứu, đề xuất các chính sách hỗ trợ nhằm duy trì mức sinh hợp lý; kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh; nâng cao chất lượng dân số; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; khuyến khích người dân thực hiện khám sức khỏe trước khi kết hôn, sàng lọc trước sinh và sơ sinh.

b) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính

sách, pháp luật về dân số; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, đặc biệt là các hành vi liên quan đến lựa chọn giới tính thai nhi theo quy định của pháp luật.

4. Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số

a) Phát triển dịch vụ dân số và chăm sóc sức khỏe sinh sản

- củng cố và phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số theo phân tuyến kỹ thuật; đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ y tế;

- Bảo đảm cung cấp đầy đủ các phương tiện tránh thai và các gói dịch vụ dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản thiết yếu ở tất cả các tuyến, đặc biệt là tuyến cơ sở;

- Mở rộng các dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân; đẩy mạnh xã hội hóa chương trình sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh.

b) Nâng cao chất lượng dân số

- Tăng cường tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn:

- + Đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của thanh niên về tầm quan trọng của tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn trong việc nâng cao chất lượng dân số, phòng tránh các bệnh di truyền, bệnh bẩm sinh và bảo đảm sức khỏe sinh sản.

- + Mở rộng triển khai mô hình tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn tại các cơ sở y tế; lồng ghép nội dung tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân với các hoạt động truyền thông về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên và thanh niên.

- + Tăng cường phối hợp giữa ngành y tế với ngành giáo dục, đoàn thanh niên và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, tư vấn, cung cấp kiến thức và kỹ năng về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, bình đẳng giới, chuẩn bị sức khỏe tốt cho hôn nhân và sinh sản.

- Đẩy mạnh tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh:

- + Tăng cường truyền thông, tư vấn nhằm nâng cao nhận thức của phụ nữ mang thai, gia đình và cộng đồng về lợi ích của sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh nhằm phát hiện sớm, can thiệp kịp thời các bệnh, tật bẩm sinh phổ biến;

- + Mở rộng mạng lưới cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh tại các cơ sở y tế; nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ y tế trong tư vấn, lấy mẫu, chẩn đoán và chuyển tuyến điều trị;

- + Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh; tạo điều kiện để người dân được tiếp cận thuận lợi với các dịch vụ tầm soát, chẩn đoán và can thiệp sớm các bệnh, tật bẩm sinh;

- + Tăng cường quản lý, theo dõi và hỗ trợ các trường hợp trẻ em mắc bệnh, tật bẩm sinh; phối hợp với các ngành liên quan triển khai các hoạt động chăm sóc, phục hồi chức năng, hỗ trợ hòa nhập cộng đồng cho trẻ em khuyết tật.

- Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh:

+ Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về bình đẳng giới và giá trị của trẻ em gái và hệ lụy của mất cân bằng giới tính khi sinh; từng bước thay đổi nhận thức, hành vi của người dân về tâm lý ưa thích con trai;

+ Đẩy mạnh cung cấp thông tin cho các cơ quan thông tấn, báo chí; nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác truyền thông, cộng tác viên dân số và tuyên truyền viên ở cơ sở. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, nói chuyện chuyên đề, tư vấn trực tiếp tại cộng đồng; lồng ghép nội dung kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh với các chương trình truyền thông về dân số, sức khỏe sinh sản và bình đẳng giới;

+ Tăng cường truyền thông, tư vấn cho vị thành niên, thanh niên, đặc biệt là nam, nữ chuẩn bị kết hôn về bình đẳng giới, trách nhiệm sinh con và nuôi dạy con; nâng cao nhận thức của người cung cấp dịch vụ liên quan đến chẩn đoán giới tính thai nhi;

+ Đưa nội dung về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh và bình đẳng giới vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo, trường chính trị; lồng ghép trong các hoạt động ngoại khóa tại các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông;

+ Tổ chức cho các cơ sở, cá nhân cung cấp dịch vụ liên quan đến chẩn đoán trước sinh ký cam kết không thực hiện lựa chọn giới tính thai nhi; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi tại các cơ sở y tế, cơ sở cung cấp dịch vụ siêu âm, phá thai và các cơ sở liên quan; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật;

+ Đẩy mạnh đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ y tế, cán bộ dân số và cộng tác viên dân số về kiến thức, kỹ năng truyền thông và các quy định pháp luật liên quan đến kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh.

- Nâng cao thể lực, tầm vóc và sức khỏe người dân:

+ Triển khai hiệu quả các chương trình, đề án nâng cao thể lực, tầm vóc người Việt Nam; tăng cường truyền thông về dinh dưỡng hợp lý, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em;

+ Đẩy mạnh các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em; nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc trước sinh, trong sinh và sau sinh nhằm giảm tỷ lệ tử vong mẹ và trẻ em;

+ Khuyến khích người dân thực hiện lối sống lành mạnh, tăng cường rèn luyện thể dục thể thao, phòng chống các bệnh không lây nhiễm; cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường, nước sạch và an toàn thực phẩm nhằm nâng cao sức khỏe cộng đồng.

- Thích ứng với già hóa dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi:

+ Triển khai hiệu quả các chính sách chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi theo quy định của pháp luật; tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức của gia đình và xã hội về trách nhiệm chăm sóc, phụng dưỡng người cao tuổi;

+ Phát triển các mô hình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng; tăng cường quản lý sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ, lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho người cao tuổi tại tuyến y tế cơ sở;

+ Khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, sinh hoạt cộng đồng; phát triển các mô hình câu lạc bộ người cao tuổi, câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và phát huy vai trò người cao tuổi trong gia đình và xã hội;

+ Đẩy mạnh xã hội hóa trong chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

5. Phát huy tối đa lợi thế cơ cấu dân số vàng, tạo động lực cho sự phát triển nhanh, bền vững

a) Tiếp tục triển khai hiệu quả các chiến lược, chương trình về giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, lao động, việc làm, xuất khẩu lao động và thu hút đầu tư; đồng thời xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh nhằm khai thác hiệu quả nguồn lao động trong độ tuổi, nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, cải thiện chất lượng việc làm và nâng cao năng suất lao động.

b) Tăng cường gắn kết giữa đào tạo nghề với nhu cầu của thị trường lao động, đặc biệt là nhu cầu nhân lực của các khu công nghiệp, khu kinh tế và doanh nghiệp trên địa bàn; tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tiếp cận việc làm ổn định, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống.

c) Tiếp tục triển khai hiệu quả các chương trình, hoạt động chăm sóc sức khỏe nhân dân, đặc biệt là chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe người lao động, an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm; bảo đảm người lao động được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe thiết yếu, góp phần nâng cao thể lực, tầm vóc và chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh.

6. Đẩy mạnh nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống thông tin, dữ liệu dân số

a) Tăng cường nghiên cứu về dân số và phát triển, tập trung vào các vấn đề trọng tâm như quy mô, cơ cấu, chất lượng và phân bố dân số; các tác động của biến động dân số đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, làm cơ sở cho việc hoạch định và điều chỉnh chính sách.

b) Hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành dân số bảo đảm cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin, số liệu về dân số phục vụ công tác quản lý nhà nước, xây dựng chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý dữ liệu dân số; tăng cường kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả dữ liệu dân số

với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công tác quản lý xã hội và phát triển kinh tế - xã hội.

7. Bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số

a) Bố trí đủ nguồn lực từ ngân sách nhà nước và ngân sách địa phương để triển khai thực hiện toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp về dân số và phát triển đến năm 2030; ưu tiên đầu tư cho các hoạt động nâng cao chất lượng dân số.

b) Ưu tiên bố trí ngân sách cho các địa bàn có quy mô dân số lớn, mức sinh cao, tỷ số giới tính khi sinh cao, tỷ lệ người cao tuổi cao nhằm triển khai hiệu quả các hoạt động truyền thông, cung cấp dịch vụ dân số và nâng cao chất lượng dân số.

c) Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực từ các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng tham gia thực hiện công tác dân số; khuyến khích phát triển các loại hình bảo hiểm, đặc biệt là bảo hiểm y tế và bảo hiểm thương mại, nhằm đa dạng hóa các gói dịch vụ, góp phần bảo đảm các nhóm dân số được tiếp cận và thụ hưởng công bằng các dịch vụ an sinh xã hội.

8. Kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác dân số

a) Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, chính quyền và quản lý chuyên môn thống nhất trong triển khai công tác dân số.

b) Có cơ chế, chính sách phù hợp nhằm động viên, hỗ trợ đội ngũ cán bộ dân số và cộng tác viên dân số ở cơ sở, góp phần duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới dân số tại cộng đồng.

c) Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp; thực hiện chuẩn hóa đội ngũ cán bộ dân số; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ dân số.

9. Tăng cường hợp tác quốc tế

Chủ động, tích cực mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực dân số và phát triển; tranh thủ sự hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật, tri thức và kinh nghiệm của các tổ chức quốc tế, các đối tác phát triển nhằm nâng cao hiệu quả triển khai các chương trình, dự án về dân số trên địa bàn tỉnh.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được đảm bảo từ nguồn ngân sách Nhà nước và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này trên phạm vi toàn

tính; bảo đảm gắn kết chặt chẽ với các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan về dân số, y tế và phát triển kinh tế - xã hội.

b) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai các hoạt động chuyên môn về dân số và phát triển; nâng cao chất lượng dịch vụ dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình; đẩy mạnh các hoạt động nâng cao chất lượng dân số, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, thích ứng với già hóa dân số.

c) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch của các sở, ngành, địa phương; tổng hợp kết quả thực hiện; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

d) Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước trong dự toán ngân sách hằng năm để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động của Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Sở Nội vụ

a) Phối hợp với Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiện toàn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức bộ máy làm công tác dân số và phát triển các cấp theo quy định; đồng thời phối hợp đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách liên quan đến công tác tổ chức bộ máy, cán bộ và chế độ, chính sách đối với đội ngũ làm công tác dân số theo quy định hiện hành.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan tổ chức triển khai các nội dung giáo dục về dân số và phát triển, giới, giới tính, sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới cho học sinh, sinh viên phù hợp với từng cấp học, bậc học.

b) Tăng cường lồng ghép nội dung giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên vào chương trình giáo dục chính khóa và hoạt động ngoại khóa trong các cơ sở giáo dục.

c) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về kiến thức dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình, bình đẳng giới.

d) Phối hợp xây dựng và duy trì các mô hình truyền thông, tư vấn, chăm sóc sức khỏe sinh sản cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục; đẩy mạnh công tác truyền thông thay đổi hành vi trong lứa tuổi vị thành niên, thanh niên.

đ) Lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về dân số và phát triển vào quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo của ngành; góp phần nâng cao chất lượng dân số, phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan tham mưu đặt hàng các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo lĩnh vực y dược phục vụ trong công tác dân số và phát triển, gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; thích ứng với già hóa dân số; kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh và các vấn đề dân số mới phát sinh.

b) Tham mưu triển khai, hỗ trợ ứng dụng nhân rộng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong công tác dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Tư pháp

a) Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác ban hành, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành pháp luật; xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực dân số và phát triển.

b) Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về dân số và phát triển; lồng ghép nội dung tuyên truyền pháp luật về hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, lựa chọn giới tính thai nhi.

c) Theo dõi, hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành pháp luật; phối hợp xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực dân số và phát triển theo quy định.

d) Phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường công tác quản lý, đăng ký hộ tịch, như: khai sinh, kết hôn, khai tử; bảo đảm đầy đủ, kịp thời, phục vụ công tác quản lý dân cư và cung cấp dữ liệu phục vụ công tác dân số và phát triển.

7. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy và các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường công tác tuyên truyền, vận động thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân số và phát triển thông qua các hoạt động văn hóa, thể thao và gia đình.

b) Lồng ghép nội dung tuyên truyền về dân số và phát triển, bình đẳng giới, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc vào các hoạt động văn hóa, thể thao, công tác gia đình và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở, các đơn vị hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức về dân số và phát triển; góp phần nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của người dân trong thực hiện chính sách dân số.

8. Công an tỉnh

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan trong kết nối, chia sẻ, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công tác quản lý dân số và phát

triển; bảo đảm dữ liệu dân cư đầy đủ, chính xác, phục vụ xây dựng chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

9. Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên

a) Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền về dân số và phát triển trên các loại hình báo chí của tỉnh.

b) Xây dựng, duy trì các chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tin, bài về dân số và phát triển; tăng cường thời lượng, tần suất phát sóng và nâng cao chất lượng nội dung tuyên truyền trên báo in, báo điện tử, phát thanh và truyền hình.

c) Tập trung tuyên truyền các nội dung trọng tâm như: nâng cao chất lượng dân số; giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe vị thành niên, thanh niên; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc.

10. Hội Người cao tuổi tỉnh

a) Chỉ đạo, hướng dẫn Hội Người cao tuổi các cấp phối hợp với ngành Y tế và các cơ quan liên quan triển khai các hoạt động chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn.

b) Tuyên truyền, vận động hội viên thực hiện khám sức khỏe định kỳ, nâng cao nhận thức về chăm sóc sức khỏe, phòng chống bệnh tật, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người cao tuổi, góp phần thích ứng với quá trình già hóa dân số.

c) Phối hợp cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến người cao tuổi phục vụ công tác quản lý, xây dựng chính sách và triển khai các hoạt động về dân số và phát triển.

11. Các sở, ban, ngành có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch; lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về dân số và phát triển vào chương trình, kế hoạch công tác của ngành, lĩnh vực phụ trách.

12. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

a) Chỉ đạo, định hướng công tác tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân số và phát triển; về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chiến lược Dân số trên địa bàn tỉnh.

b) Theo dõi, nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận xã hội, nhất là trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân liên quan đến việc thực hiện chính sách dân số và phát triển; kịp thời phối hợp tham mưu cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo xử lý các vấn đề phát sinh, các vụ việc được dư luận xã hội quan tâm.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

a) Phối hợp với Sở Y tế và các địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân số và phát triển.

b) Tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về dân số và phát triển; lồng ghép với các phong trào, cuộc vận động như “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

14. Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Căn cứ Kế hoạch của tỉnh, xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

b) Lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về dân số và phát triển vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của địa phương; tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ về dân số.

c) Bố trí và huy động các nguồn lực theo quy định để triển khai hiệu quả các hoạt động của Kế hoạch trên địa bàn; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt chính sách dân số và phát triển.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường nghiêm túc triển khai thực hiện; định kỳ trước ngày 15/12 hằng năm báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Y tế theo quy định. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Y tế (qua Chi cục Dân số và Trẻ em) để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Nhận Kế hoạch này, yêu cầu các đơn vị triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (Cục Bà mẹ và Trẻ em);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Ủy ban nhân dân xã, phường;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Chuyên viên KGVX: Thanh;
- Lưu: VT, KGVX^{KH}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Nghiêm